

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI  
TÙNG KHÁNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-41
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022</i>	14-41

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200383737 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2000. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung 10 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 20 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 63.153.120.000 VND*

*Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2022: 63.153.120.000 VND*

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : 02 253 877 996  
Mã số thuế : 0 2 0 0 3 8 3 7 3 7

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Bùi Thị Yên	Chủ tịch	
Ông Phạm Tùng Linh	Thành viên	
Bà Phạm Thị Khánh Ly	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/10/2022)
Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/10/2022)
Ông Vũ Hữu Trường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 22/10/2022)
Bà Nguyễn Xuân Như Trang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22/10/2022, miễn nhiệm ngày 29/12/2022)
Bà Võ Thị Thiên Nga	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22/10/2022, miễn nhiệm ngày 29/12/2022)
Bà Nguyễn Thị Thúy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 22/10/2022, miễn nhiệm ngày 29/12/2022)
Ông Nguyễn Tiến Huy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/12/2022)
Ông Trương Đức Nam	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/12/2022)
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29/12/2022)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thùy	Trưởng Ban

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thùy	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Tùng Linh	Giám đốc
Bà Bùi Thị Yến	Phó Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



---

**Phạm Tùng Linh**

Số : 2107.01.02/2022/BCTC-NVT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023 từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY với dạng ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số chi tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại (xem thuyết minh số VIII.5).

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

**Nguyễn Văn Tân**

GCNĐKHNKT số: 5348-2020-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>72.710.330.396</b>	<b>84.843.204.655</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>30.838.069.563</b>	<b>3.210.273.476</b>
1. Tiền	111		30.838.069.563	3.210.273.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>9.931.743.840</b>	<b>7.200.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	9.931.743.840	7.210.800.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(10.800.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.533.268.130</b>	<b>36.161.837.538</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.045.563.769	18.232.981.155
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.476.004.361	16.470.486.102
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.700.000	1.458.370.281
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.055.528.651</b>	<b>37.262.875.698</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	16.627.409.461	37.262.875.698
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(571.880.810)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>351.720.212</b>	<b>1.008.217.943</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	32.378.341	63.250.299
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		319.341.871	944.967.644
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.983.476.635</b>	<b>19.426.512.426</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>405.281.736</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	405.281.736	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.531.041.764</b>	<b>19.366.620.380</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	14.676.521.711	19.366.620.380
<i>Nguyên giá</i>	222		25.028.971.801	30.697.763.384
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.352.450.090)	(11.331.143.004)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	2.854.520.053	-
<i>Nguyên giá</i>	225		3.015.591.481	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(161.071.428)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Tiền và tương đương tiền cuối năm	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	9.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.153.135</b>	<b>59.892.046</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	47.153.135	59.892.046
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>99.693.807.031</b>	<b>104.269.717.081</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>34.421.546.550</b>	<b>40.852.799.060</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.011.713.420</b>	<b>40.852.799.060</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.176.932.389	5.960.292.788
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.211.492.299	6.658.890.048
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	764.383.280	1.200.616.224
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	51.979.262	33.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V14	7.046.400	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	27.799.879.790	27.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.409.833.130</b>	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	1.409.833.130	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.272.260.481</b>	<b>63.416.918.021</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>65.272.260.481</b>	<b>63.416.918.021</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.153.120.000	50.930.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.153.120.000	50.930.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(75.600.000)	(75.600.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		187.579.443	187.579.443
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.007.161.038	12.374.938.578
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		151.818.578	9.348.674.761
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.855.342.460	3.026.263.817
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>99.693.807.031</b>	<b>104.269.717.081</b>

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Thị Nhung

Phạm Thúy Nga

Phạm Tùng Linh

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	123.000.793.603	154.343.536.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.388.140.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123.000.793.603	149.955.395.631
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	115.976.596.540	136.816.320.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.024.197.063	13.139.075.227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	377.562.694	47.398.647
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.590.072.673	2.501.399.020
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.504.665.422	2.430.251.731
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.723.652.802	3.218.656.232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.620.032.330	2.924.071.638
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		468.001.952	4.542.346.984
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.212.470.684	43.842.760
12. Chi phí khác	32	VI.8	60.746.896	239.832.262
13. Lợi nhuận khác	40		2.151.723.788	(195.989.502)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.619.725.740	4.346.357.482
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	764.383.280	1.320.093.665
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.855.342.460</u>	<u>3.026.263.817</u>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>293,78</u>	<u>516,77</u>
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>293,78</u>	<u>516,77</u>

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Thị Nhung

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Nga

Giám đốc



Phạm Tùng Linh

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.619.725.740	4.346.357.482
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.562.775.701	2.525.115.743
- Các khoản dự phòng	03	561.080.810	(205.540.710)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.958.052	31.297.106
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.205.251.317)	(1.737.085)
- Chi phí lãi vay	06	2.504.665.422	2.430.251.731
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.046.954.408	9.125.744.267
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	20.732.124.313	(485.790.275)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	20.635.466.237	(4.877.743.572)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(6.968.338.549)	1.078.798.907
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	43.610.869	(63.349.085)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(2.720.943.840)	(7.210.800.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.452.686.160)	(2.430.251.731)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.200.616.224)	(335.322.147)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>34.115.571.054</b>	<b>(5.198.713.636)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.288.373.199)	(77.987.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	4.851.360.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.645.713	1.737.085
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.435.367.486)</b>	<b>(76.250.315)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		4.554.400.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		86.149.492.346		72.964.859.465
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(86.149.492.346)		(74.964.859.465)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.047.125.880)		(536.563.324)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(1.047.125.880)</i>		<i>2.017.836.676</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		27.633.077.688		(3.257.127.275)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.210.273.476		6.498.701.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.281.601)		(31.300.893)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<b>30.838.069.563</b>		<b>3.210.273.476</b>

Người lập biểu

Bùi Thị Nhung

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Nga

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Gram doc



Phạm Tùng Linh

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất và thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh :

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất lan can cầu thang inox, cửa nhôm cuốn; Sản xuất ống và các sản phẩm bằng inox

Sản xuất đồ điện dân dụng

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ hóa chất Nhà nước cấm kinh doanh); Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

(trừ quầy bar)

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế

Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự

Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Sản xuất đệm các loại

Phá dỡ

Chuẩn bị mặt bằng

Lắp đặt hệ thống điện

Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy – báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học)

Hoàn thiện công trình xây dựng

Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Thi công nền móng bằng phương pháp cọc khoan nhồi; Dịch vụ khoan nổ mìn để phá đá bằng vật liệu nổ công nghiệp

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

(trừ động vật hoang dã và động vật quý hiếm)

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh

Sản xuất sản phẩm từ plastic

Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng plastic; sản xuất găng tay PE; PVC và găng tay cao su

Xây dựng nhà để ở

Xây dựng nhà không để ở

Xây dựng công trình đường sắt

Xây dựng công trình đường bộ

Xây dựng công trình điện

Xây dựng công trình cấp, thoát nước

Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc

Xây dựng công trình công ích khác

Xây dựng công trình thủy

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trong tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng.

5. **Nhân viên:** Số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9 người. (Số nhân viên đầu năm là 36 người). Trong năm, công ty giảm đáng kể số lượng nhân viên do chuyển đổi loại hình từ sản xuất và thương mại sang chủ yếu hoạt động xây dựng thương mại và cho thuê Tài sản.

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

- 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**  
Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng là 23.405 VND/USD và 24.713 VND/EUR.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng là 23.685 VND/USD.

- 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### a. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 18
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10

#### b. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

#### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Các chi phí khác*

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Vốn khác thuộc chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

##### *Các quỹ khác*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### 16. Công cụ tài chính

##### i. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### *iii. Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	827.073.272	1.725.107.737
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.010.996.291	1.485.165.739
<b>Cộng</b>	<b><u>30.838.069.563</u></b>	<b><u>3.210.273.476</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Chứng khoán kinh doanh**

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu ( DHM )	3.903.746.850	3.903.746.850	-	7.210.800.000	7.200.000.000	(10.800.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương ( DDG )	3.828.321.750	3.828.321.750	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Petro Times ( PPT )	2.199.675.240	2.199.675.240	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.931.743.840</u></b>	<b><u>9.931.743.840</u></b>	<b>-</b>	<b><u>7.210.800.000</u></b>	<b><u>7.200.000.000</u></b>	<b><u>(10.800.000)</u></b>

**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại Tùng Long (*)	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.000.000.000</u></b>	<b><u>9.000.000.000</u></b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*)Theo Nghị quyết HĐQT số 0812/2022/TKG/NQ-HĐQT ngày 08/12/2022 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 10/12/2022 Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh đã ký hợp đồng về việc mua 90.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại Tùng Long, với giá chuyển nhượng là 100.000 VND/CP, tổng giá chuyển nhượng là 9.000.000.000 VND từ Bà Vũ Thị Duyên.

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>13.045.563.769</i>	<i>18.232.981.155</i>
ATP SWORK SL	1.559.471.678	-
Công ty TNHH Ngọc Long	9.133.257.950	3.294.044.450
NOBLE PACKAGING LIMITED	1.053.117.191	-
Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Toàn An Khánh	478.758.758	2.648.149.758
PAPELES Y DESARROLLOS , S.L , RSB 32401846	-	1.294.377.538
TSA 123 S.R.O	-	1.210.720.316
Công ty TNHH Win Way	-	8.377.469.000
Các khách hàng khác	820.958.192	1.408.220.093
<b>Cộng</b>	<b><u>13.045.563.769</u></b>	<b><u>18.232.981.155</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>2.476.004.361</i>	<i>16.470.486.102</i>
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sản xuất Gia Thành	971.216.885	3.964.536.885
Công ty Cổ phần XNK Thương Mại Khánh Linh	1.474.532.018	2.311.948.447
Công ty TNHH Lộc Đình Phát	-	1.940.583.250
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Dịch vụ Thành Lợi	-	4.958.775.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	8.809.000	3.256.141.631
Các nhà cung cấp khác	21.446.458	38.500.889
<b>Cộng</b>	<b><u>2.476.004.361</u></b>	<b><u>16.470.486.102</u></b>

**5. Phải thu khác****a, Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.700.000</i>	<i>1.458.370.281</i>
Ký cược, ký quỹ	11.700.000	11.700.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	1.446.670.281
<b>Cộng</b>	<b><u>11.700.000</u></b>	<b><u>1.458.370.281</u></b>

**b, Phải thu khác dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>405.281.736</i>	<i>-</i>
Ký cược, ký quỹ	228.483.880	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	176.797.856	-
<b>Cộng</b>	<b><u>405.281.736</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.341.648.326	-	28.417.550.039	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	274.487.656	-
Thành phẩm	12.516.052	-	18.618.465	-
Hàng hóa	5.273.245.083	(571.880.810)	8.552.219.538	-
<b>Cộng</b>	<b><u>16.627.409.461</u></b>	<b><u>(571.880.810)</u></b>	<b><u>37.262.875.698</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	3.564.814	7.089.394
Lãi trả chậm	8.680.527	19.950.822
Phí bảo hiểm	16.533.000	32.187.083
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.600.000	4.023.000
<b>Cộng</b>	<b><u>32.378.341</u></b>	<b><u>63.250.299</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	11.978.409	59.892.046
Phí bảo hiểm	35.174.726	-
<b>Cộng</b>	<b><u>47.153.135</u></b>	<b><u>59.892.046</u></b>

**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	22.638.435.334	5.391.941.337	2.667.386.713	30.697.763.384
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.721.252.064)	(947.539.519)	(5.668.791.583)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>22.638.435.334</u></b>	<b><u>670.689.273</u></b>	<b><u>1.719.847.194</u></b>	<b><u>25.028.971.801</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	561.011.465	35.000.000	552.860.908	1.148.872.373
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	7.350.412.104	2.442.504.771	1.538.226.129	11.331.143.004
Khấu hao trong năm	1.486.654.896	729.712.480	185.336.897	2.401.704.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.839.886.852)	(540.510.335)	(3.380.397.187)
Phân loại lại	(69.999.989)	-	69.999.989	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>8.767.067.011</u></b>	<b><u>332.330.399</u></b>	<b><u>1.253.052.680</u></b>	<b><u>10.352.450.090</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	15.288.023.230	2.949.436.566	1.129.160.584	19.366.620.380
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>13.871.368.323</u></b>	<b><u>338.358.874</u></b>	<b><u>466.794.514</u></b>	<b><u>14.676.521.711</u></b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 24.358.282.528 VND và 14.338.162.837 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng.

**9. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	-	-
Thuê tài chính trong năm	3.015.591.481	3.015.591.481
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.015.591.481</u></b>	<b><u>3.015.591.481</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	161.071.428	161.071.428
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>161.071.428</u></b>	<b><u>161.071.428</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.854.520.053</u></b>	<b><u>2.854.520.053</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>3.176.932.389</i>	<i>5.960.292.788</i>
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Nam Long	-	1.910.809.000
Công ty TNHH Minh Trí	1.890.460.000	1.716.660.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Minh Phú Thành	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại quốc tế Chailcase	401.340.437	836.230.025
Công ty TNHH Thương mại đầu tư phát triển Quốc Minh	495.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	390.131.952	496.593.763
<b>Cộng</b>	<b>3.176.932.389</b>	<b>5.960.292.788</b>

#### 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>1.211.492.299</i>	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và thương mại Tùng Long	1.211.492.299	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	-	<i>6.658.890.048</i>
ATP SWORK SL	-	1.394.415.014
EKSPERT POLUDNLE SP. ZO.O. SP.K.	-	878.339.820
IHESKEL AHARON ( CHEMIFROD) LTD	-	1.154.250.000
KONSUMA TIV EOOD LTD	-	669.663.036
SOUTHGATE GLOBAL LIMITED	-	1.928.727.288
Các khách hàng khác	-	633.494.890
<b>Cộng</b>	<b>1.211.492.299</b>	<b>6.658.890.048</b>

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	-	603.348.970	(603.348.970)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.200.616.224	764.383.280	(1.200.616.224)	764.383.280
Thuế nhà đất	-	7.408.000	(7.408.000)	-
Tiền thuế đất	-	31.793.000	(31.793.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.200.616.224</b>	<b>1.409.933.250</b>	<b>(1.846.166.194)</b>	<b>764.383.280</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 8%;10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 13. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	51.979.262	33.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	51.979.262	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b>51.979.262</b>	<b>33.000.000</b>

#### 14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.046.400	-
Bảo hiểm xã hội	7.046.400	-
<b>Cộng</b>	<b>7.046.400</b>	<b>-</b>

#### 15. Vay và nợ thuê tài chính

##### a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)</i>	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)</i>	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	799.879.790	799.879.790	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.799.879.790</b>	<b>27.799.879.790</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>

(1) Là khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức tín dụng số 01/2022/750909/HĐTD ngày 10 tháng 10 năm 2022. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 30.000.000.000 VNĐ bao gồm dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh thanh toán, mở L/C được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/750909/HĐTD ngày 06 tháng 08 năm 2021. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay và thời hạn trả nợ được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

Tài sản đảm bảo của khoản vay bao gồm:

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở số BN877638 của công ty
- + Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở số BN877638 của bên thứ 3
- + Ba xe ô tô mang biển kiểm soát 15C-092.67, 15C-247.28, 15A-347.27.

(2) Là khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 091221-32303-01-SME ngày 12 tháng 10 năm 2021. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 3.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh các sản phẩm inox, thép không gỉ, hạt nhựa và màng nhựa. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay và thời hạn trả nợ được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khoản vay được bảo lãnh thanh toán bởi Ông Phạm Tùng Linh – giám đốc Công ty theo hợp đồng bảo lãnh số 01VPbank/BLCN

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số tiền vay		Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã	
	Số đầu năm	phát sinh trong năm		trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.000.000.000	86.149.492.346	-	(86.149.492.346)	27.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	799.879.790	-	799.879.790
<b>Cộng</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>86.149.492.346</b>	<b>799.879.790</b>	<b>(86.149.492.346)</b>	<b>27.799.879.790</b>

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE - CN Hà Nội (*)	1.409.833.130	1.409.833.130	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.409.833.130</b>	<b>1.409.833.130</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản nợ thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế CHAILEASE – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B220620412 ngày 15/6/2022 cho các tài sản: 01 Máy cắt ống tự động bằng dao – Model YJK-70; 01 Máy chấn tôn thủy lực tự động – Model MT-160x3200; 01 Máy doa đầu ống – Model YKD-1600; 01 Máy cắt ống công nghệ cao – Model YKD-1600; 01 Máy hàn hồ quang kim loại ( bộ bao gồm máy và khung giá máy) – Model Tig-250S và 01 Máy uốn ống tự động – Model XY-110. Thời hạn thuê 36 tháng, giá trị thuê 1.458.000.000 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 10,14% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 10% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 4,18%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 35 kỳ.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B220835012 ngày 14/09/2022 cho các tài sản: 01 máy cắt kim loại (Cắt tôn sắt inox), sử dụng tia laser (bộ bao gồm máy và bàn cắt) ký hiệu CTK-X13-E, Hãng sản xuất CTK. Thời hạn thuê 42 tháng, giá trị thuê 702.000.000 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 10,97% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 10,82% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 4,8%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 41 kỳ.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C220911212 ngày 07/10/2022 cho các tài sản: 01 Máy làm túi nilon, nhà sản xuất: GUANGDONG MAOXIN ELECTRICAL MACHINERY Co., ltd – Hiệu MX, Model: MXFQ+R+500. Thời hạn thuê 42 tháng, giá trị thuê 610.838.800 VNĐ. Lãi suất thuê ban đầu là 11% cho thời hạn tính lãi là 365 ngày và 10,85% cho thời hạn tính lãi là 360 ngày, sau đó sẽ thả nổi và được tính theo lãi suất tiêu chuẩn cộng với biên độ 4,8%. Nợ thuê được thanh toán lãi và gốc thành 41 kỳ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh trong năm	3.256.838.800
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.047.125.880)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(799.879.790)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.409.833.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	46.300.000.000	187.579.443	9.348.674.761	55.836.254.204
Tăng vốn trong năm trước	4.630.000.000	-	-	4.554.400.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	3.026.263.817	3.026.263.817
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.930.000.000</b>	<b>187.579.443</b>	<b>12.374.938.578</b>	<b>63.416.918.021</b>
Số dư đầu năm nay	50.930.000.000	187.579.443	12.374.938.578	63.416.918.021
Tăng vốn trong năm (*)	12.223.120.000	-	(12.223.120.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.855.342.460	1.855.342.460
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>63.153.120.000</b>	<b>187.579.443</b>	<b>2.007.161.038</b>	<b>65.272.260.481</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/3/2022 quyết định phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021. Số cổ phiếu dự kiến phát hành 1.222.320 cổ phiếu tương ứng giá trị 12.223.200.000 đồng. Đến ngày 27 tháng 4 năm 2022 Công ty đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn với số cổ phiếu đã phân phối 1.222.312 cổ phiếu cho 166 cổ đông, số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: 8 cổ phiếu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ.

**b) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	6.315.312	5.093.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	6.315.312	5.093.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.315.312	5.093.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.315.312	5.093.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.315.312	5.093.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	98,64	63.514,46
Euro (EUR)	100,67	99,49

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>123.000.793.603</b>	<b>154.343.536.141</b>
Doanh thu bán hàng hóa	100.497.663.108	134.664.708.643
Doanh thu bán thành phẩm	21.566.536.486	16.740.889.998
Doanh thu khác	936.594.009	2.937.937.500
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>4.388.140.510</b>
Hàng bán bị trả lại	-	4.388.140.510
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>123.000.793.603</b>	<b>149.955.395.631</b>

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan*

	<u>Năm nay</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại Tùng Long	11.729.503.829

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	94.967.307.951	120.997.435.648
Giá vốn của thành phẩm đã bán	19.894.356.421	13.315.306.956
Giá vốn khác	543.051.358	2.503.577.800
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	571.880.810	-
<b>Cộng</b>	<b>115.976.596.540</b>	<b>136.816.320.404</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.645.713	1.737.085
Lãi chứng khoán kinh doanh	270.199.300	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	105.717.681	45.661.562
<b>Cộng</b>	<b>377.562.694</b>	<b>47.398.647</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.504.665.422	2.430.251.731
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	10.800.000
Lỗi chứng khoán kinh doanh	53.340.510	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.108.689	37.310.628
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.958.052	23.036.661
<b>Cộng</b>	<b><u>2.590.072.673</u></b>	<b><u>2.501.399.020</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	279.799.527	1.092.482.413
Chi phí vật liệu, bao bì	237.101.992	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.638.272	111.927.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	917.258.873	-
Các chi phí khác	220.854.138	2.014.245.955
<b>Cộng</b>	<b><u>1.723.652.802</u></b>	<b><u>3.218.656.232</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	603.498.538	735.710.653
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.205.879	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.258.142.398	1.285.948.404
Thuế, phí và lệ phí	42.201.000	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	216.340.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	437.219.480	-
Các chi phí khác	267.765.035	686.071.870
<b>Cộng</b>	<b><u>2.620.032.330</u></b>	<b><u>2.924.071.638</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.203.605.604	-
Thu nhập khác	8.865.080	43.842.760
<b>Cộng</b>	<b><u>2.212.470.684</u></b>	<b><u>43.842.760</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản phạt chậm nộp	60.746.896	220.795.175
Chi phí khác	-	19.037.087
<b>Cộng</b>	<b><u>60.746.896</u></b>	<b><u>239.832.262</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.619.725.740	4.346.357.482
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.202.190.662	1.656.723.638
<i>Chi phí khấu hao không đủ chứng từ hợp lệ</i>	1.202.190.662	1.656.723.638
<i>Xóa nợ</i>	-	216.340.711
<i>Chi phí phạt chậm nộp</i>	60.746.896	-
<i>Chi phí khác không hợp lệ</i>	-	239.832.262
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	-	31.300.893
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.821.916.402	6.003.081.120
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	3.821.916.402	6.003.081.120
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	764.383.280	1.200.616.224
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	119.477.441
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>764.383.280</b>	<b>1.320.093.665</b>

**10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.855.342.460	3.026.263.817
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.855.342.460	3.026.263.817
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.315.312	5.856.170
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>293,78</b>	<b>516,77</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.315.312	4.630.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2021	-	3.858
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 27 tháng 04 năm 2022 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	1.222.312
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>6.315.312</b>	<b>5.856.170</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.720.439.743	25.402.644.420
Chi phí nhân công	2.099.806.161	3.322.115.109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.562.775.701	2.525.115.743
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	216.340.711
Thuế, phí và lệ phí	42.201.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.330.237.370	9.448.417.500
Chi phí khác	745.042.867	5.598.528.921
<b>Cộng</b>	<b><u>24.500.502.842</u></b>	<b><u>46.513.162.404</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	12.223.120.000
Nhận nợ thuế tài chính	3.256.838.800

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Lãnh đạo, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

Họ và Tên	Chức danh	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Phạm Tùng Linh	Thành viên HĐQT – Giám đốc	52.407.923	113.030.768
Bà Bùi Thị Yên	Chủ tịch HĐQT – Phó Giám đốc	52.407.923	115.907.691
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên BKS	31.231.615	-
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	34.500.231	-
Bà Phạm Thúy Nga	Kế toán trưởng	36.579.077	-

Trong năm công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### B, Giao dịch với bên liên quan khác:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại Tùng Long	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ và Thương mại Tùng Long</b>	
Phải thu tiền mua hàng hóa	12.374.959.766
Thu tiền mua hàng hóa	13.586.452.065
Phải thu tiền dịch vụ và cho thuê tài sản	448.020.535
Thu tiền dịch vụ và cho thuê tài sản	448.020.535
Phải thu tiền bán TSCĐ	4.851.360.000
Thu tiền bán TSCĐ	4.851.360.000
Đặt cọc tiền hàng	1.797.167.400
Thu lại tiền đặt trước mua hàng	1.797.167.400
Góp vốn	9.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.11.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

##### Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực sản xuất

Lĩnh vực thương mại

Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay	21.566.536.486	100.497.663.108	936.594.009	123.000.793.603
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>21.566.536.486</b>	<b>100.497.663.108</b>	<b>936.594.009</b>	<b>123.000.793.603</b>
Chi phí bộ phận	19.894.356.421	95.539.188.761	543.051.358	115.976.596.540
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.672.180.065	4.958.474.347	393.542.651	7.024.197.063
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.343.685.132)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.680.511.931
Doanh thu hoạt động tài chính				377.562.694
Chi phí tài chính				(2.590.072.673)
Thu nhập khác				2.212.470.684
Chi phí khác				(60.746.896)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(764.383.280)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.152.959</b>	<b>33.642.635</b>	<b>1.288.373.199</b>	<b>1.855.342.460</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>458.734.841</b>	<b>662.031.440</b>	<b>1.495.543.925</b>	<b>2.616.310.206</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm	5.396.719.775	25.799.465.458	2.854.520.053	34.050.705.286
Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.046.602.437	28.176.741.879	262.345.995	34.485.690.311
Tài sản phân bổ cho bộ phận				31.157.411.434
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<b>99.693.807.031</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.121.530.691</b>	<b>23.876.499.035</b>	<b>211.683.194</b>	<b>29.209.712.920</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	778.565.170	3.628.027.163	33.811.617	4.440.403.950
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				771.429.680
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<b>34.421.546.550</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>				

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

##### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	27.799.879.790	1.409.833.130	-	29.209.712.920
Phải trả người bán	3.176.932.389	-	-	3.176.932.389
Các khoản phải trả khác	59.025.662	-	-	59.025.662
<b>Cộng</b>	<b>31.035.837.841</b>	<b>1.409.833.130</b>	-	<b>32.445.670.971</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	27.000.000.000	-	-	27.000.000.000
Phải trả người bán	5.960.292.788	-	-	5.960.292.788
Các khoản phải trả khác	33.000.000	-	-	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.993.292.788</b>	-	-	<b>32.993.292.788</b>

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.838.069.563	3.210.273.476	30.838.069.563	3.210.273.476
Chứng khoán kinh doanh	9.931.743.840	7.200.000.000	9.931.743.840	7.200.000.000
Phải thu khách hàng	13.045.563.769	18.232.981.155	13.045.563.769	18.232.981.155
Các khoản phải thu khác	416.981.736	1.458.370.281	416.981.736	1.458.370.281
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>63.232.358.908</b>	<b>30.101.624.912</b>	<b>63.232.358.908</b>	<b>30.101.624.912</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	29.209.712.920	27.000.000.000	29.209.712.920	27.000.000.000
Phải trả người bán	3.176.932.389	5.960.292.788	3.176.932.389	5.960.292.788
Các khoản phải trả khác	59.025.662	33.000.000	59.025.662	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.445.670.971</b>	<b>32.993.292.788</b>	<b>32.445.670.971</b>	<b>32.993.292.788</b>



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG KHÁNH**

Địa chỉ: Số 131 đường Quán Trữ, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại như sau:

<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	653	(136,23)	516,77

Và một số chỉ tiêu đầu năm trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại như sau:

<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
Lợi nhuận trước thuế	01	4.226.880.041	119.477.441	4.346.357.482
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.006.266.826	119.477.441	9.125.744.267
Tăng giảm các khoản phải trả	11	1.198.276.348	(119.477.441)	1.078.798.907

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Thị Nhung

Phạm Thúy Nga

Phạm Tùng Linh